

BCTN 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2010**

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NỘI DUNG

| ITEM | Page |
|--|-------------|
| Thông điệp của Giám đốc công ty BSC | 3 |
| Tổng quan kinh tế 2010 | 4 |
| Lịch sử hoạt động BSC | 13 |
| Cơ cấu tổ chức BSC | 16 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 18 |
| Bản giải trình BCTC và BCKT | 30 |

BCTN 2010

THÔNGIỆP CỦA GIÁM ĐỐC BSC

Năm 2010, với giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, BSC đã khẳng định uy tín và vị thế trên suốt chặng đường 10 năm hoạt động của thị trường chứng khoán.

Dù gặp phải nhiều khó khăn, thách thức cùng những thăng trầm của thị trường, BSC đã từng bước xây dựng được một đội ngũ mới sau khủng hoảng đang dần trưởng thành và khẳng định mình.

Trong diễn biến thị trường năm 2010, các yếu tố kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, thanh khoản thị trường thấp, xu hướng giảm điểm kéo dài, các công ty chứng khoán cùng ngành đều có kết quả kinh doanh thua lỗ, thì BSC vẫn kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn. Lợi nhuận năm 2010 là 11 tỷ đồng đạt 100% so với kế hoạch đặt ra. BSC đã phát huy vị thế của công ty chứng khoán hàng đầu, từng bước chiếm lĩnh lại các mảng hoạt động nghiệp vụ lớn trên thị trường, xây dựng được năng lực cạnh tranh mới.

Năm 2010 vừa khép lại, đánh dấu một cột mốc có ý nghĩa lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển của BSC. Sau hơn 1 năm khẩn trương và nỗ lực thực hiện, quá trình cổ phần hóa đã được Công ty tiến hành thành công, mô hình công ty đã được chuyển đổi từ hình thức TNHH nhà nước sở hữu 100% sang hình thức cổ phần sở hữu đại chúng. Từ ngày 31/12/2010 trở đi, BSC chính thức gánh vác một trọng trách mới – trọng trách tối đa hóa lợi nhuận, hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh mà hàng trăm cổ đông đã tin tưởng và giao phó. Đây là một đặc điểm chi phối toàn diện mọi mặt hoạt động, là điều kiện để tạo ra những thay đổi căn bản về quan điểm kinh doanh, về thái độ và hành vi, ... của BSC.

Với phương châm “**Táo bạo - đột phá – hiệu quả cao – bền vững**” trong hoạt động kinh doanh, BSC đã và đang chuẩn bị hành trang để tiến bước mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đáp ứng kỳ vọng của các cổ đông và tái khẳng định vị thế dẫn đầu của BSC trên thị trường. Trước mắt, việc thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2011 sẽ là mục tiêu quan trọng nhất, một minh chứng cụ thể nhất, sống động nhất, đem lại những lợi ích thiết thực nhất đối với tất cả các cổ đông và BSC. BSC kỳ vọng rằng trong tương lai, các cổ đông của BSC, sẽ tiếp tục ủng hộ và hợp tác để cùng BSC tạo dựng nên những giá trị mới.

Thay mặt BSC, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, tín nhiệm và ủng hộ của các cổ đông, khách hàng, cảm ơn những nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên BSC, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan chức năng đã tiếp sức cho BSC tiếp tục thành công và phát triển.

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

Trân trọng

(đã ký)

**Ông Đỗ Huy Hoài
Giám đốc BSC**

BCTN 2010

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ NĂM 2010

‘Thoát khỏi suy thoái, năm 2010 đánh dấu bước phục hồi đầu tiên ở nhiều nền kinh tế, dù vẫn rất mong manh, tiềm ẩn nhiều nguy cơ một cuộc khủng hoảng khác’.

.

BCTN 2010

KINH TẾ THẾ GIỚI - NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT

‘Năm 2010 – Kinh tế thế giới đã vượt qua khủng hoảng trong năm 2010 với tốc độ tăng trưởng được dự báo ở mức 4,6% so với mức 4,2% trung bình giai đoạn trước khủng hoảng 2000 – 2007’

Kinh tế thế giới vẫn trên đà phục hồi nhưng với tốc độ chậm hơn kỳ vọng

Tăng trưởng kinh tế thế giới trong quý II có dấu hiệu chậm lại và chỉ đạt mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước là 4,4%, so với mức 5% của quý I. Trong đó, tăng trưởng kinh tế năm 2010 của khu vực châu Á là 8,2% nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ trong thương mại của khu vực sau khủng hoảng, tăng trưởng GDP của Trung Quốc là 10.3%.

Sự phục hồi kinh tế thế giới vẫn thiếu tính bền vững khi:

Châu Âu chìm trong khủng hoảng nợ công

- **Khủng hoảng nợ công tại Hy Lạp:** Các tổ chức xếp hạng tín dụng Standard & Poor's, Moody's và Fitch Rating đã hạ bậc trái phiếu chính phủ Hy Lạp xuống các mức rủi ro cao, đồng thời cảnh báo các nhà đầu tư có thể mất 30-50% giá trị các khoản đầu tư trong trường hợp Hy Lạp mất khả năng thanh toán.

- Khủng hoảng châu Âu đã lan sang Ireland, Bồ Đào Nha, và nếu tồi tệ nhất sẽ lan sang cả Tây Ban Nha – nền kinh tế lớn thứ 4 trên thế giới.

- Hy Lạp và Ireland đã nhận tiền giải cứu từ EU và IMF.

Ảnh hưởng từ khủng hoảng lên đồng euro



Diễn biến đồng euro trong tháng 6/2010

- Ngày 16/05/2010, đồng euro rơi xuống mức 1,2306USD/euro, mức thấp nhất tính từ tháng 4/2006 bởi lo lắng gói giải cứu từ Liên minh châu Âu và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) không thể giải quyết được khủng hoảng nợ. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2010, đồng Euro đã giảm giá 5,1% so với USD, giảm 3,5% so với đồng GBP.

BCTN 2010

**Chính sách kích thích kinh tế giảm dần
liều lượng**

*Tuy nhiên, các nước đang đối mặt với
nguy cơ suy thoái kinh tế mạnh như Nhật
Bản và Mỹ tiếp tục theo đuổi các chính
sách kích thích kinh tế.*

Cho đến hết quý III/2010, các nước EU không đưa thêm các chính sách kích thích mới và hướng tới cắt giảm thâm hụt ngân sách bằng cách giảm chi tiêu thường xuyên của Chính phủ, giảm các khoản trợ cấp và cải cách hệ thống lương hưu;...

- Ngày 13/09: Mỹ cũng công bố gói kích thích kinh tế trị giá 350 tỷ USD cho phục hồi kinh tế trong dài hạn.

- Kế hoạch 600 tỷ USD mua trái phiếu của FED (QE2): Ngày 03/11, FED chính thức công bố sẽ dành 600 tỷ USD mua trái phiếu Bộ Tài chính Mỹ trong khoảng thời gian từ tháng 11/2010 đến hết tháng 6/2011 với đề giảm thất nghiệp và tránh giảm phát.

- Kế hoạch cải tổ lĩnh vực tài chính: Ngày 21/07, Mỹ chính thức ký thành luật dự thảo cải cách ngành tài chính sâu rộng nhất kể từ thời kỳ Đại suy thoái những năm 1930 để bảo vệ người tiêu dùng và đảm bảo sự ổn định kinh tế tốt hơn.

**Châu Á đưa ra nhiều thỏa thuận quan
trọng**

Quỹ Tiền tệ châu Á (AMF) thành lập theo mô hình IMF, chính thức ra mắt ngày 23/3 với tổng trị giá 120 tỷ USD, sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính thông qua các giao dịch hoán đổi tiền tệ.

ASEAN + 3 lập quỹ tín dụng 700 triệu USD

Ngày 01/05, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc thành lập một quỹ tín dụng khu vực trị giá 700 triệu USD nhằm hỗ trợ các thị trường trái phiếu châu Á.

.....

**Giá vàng tiếp tục tăng cao - vượt ngưỡng
1.400 USD/ounce**

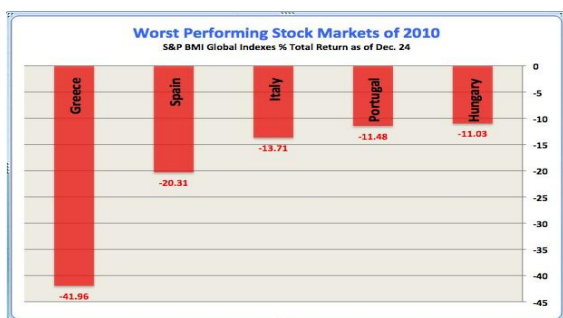
Việc mất giá của đồng Euro làm niềm tin vào các đồng tiền mạnh giảm sút, các nhà đầu tư cũng như các NHTW đã chuyển từ nắm giữ ngoại tệ sang nắm giữ vàng khiến giá vàng tăng cao. Giá vàng tăng cao còn do những lo ngại về sự bất ổn của kinh tế toàn cầu, thị trường tiền tệ, sự đi xuống của thị trường chứng khoán, nhu cầu mua vàng các nước châu Á và việc Trung Quốc nới lỏng cơ chế giao dịch vàng.

Giá vàng đã lập kỷ lục mới 1.424,60 USD/ounce trên thị trường kim loại quý Luân Đôn trong phiên giao dịch ngày 9/11. Tính từ đầu năm, giá vàng đã tăng gần 30%.

BCTN 2010

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

TTCK thế giới đã chính thức khép lại một năm giao dịch nhiều biến cố.



TTCK Mỹ

Tính từ phiên giao dịch đầu tiên của năm 2010, chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng 1.145,44 điểm tương đương 10,98%.

TTCK châu Âu

Chỉ số Stoxx Europe 600 của thị trường châu Âu tính từ đầu năm 2010 đến nay tăng 11%.

TTCK châu Á

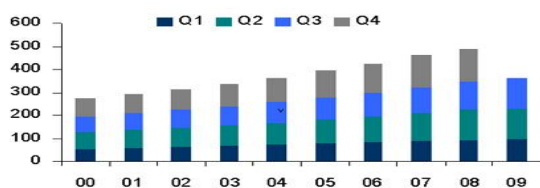
Chỉ số MSCI của TTCK châu Á – Thái Bình Dương tính từ đầu năm 2010 đến nay tăng 13%.



VIỆT NAM - Nền kinh tế Việt Nam từng bước phục hồi đồng thời tăng trưởng khá nhanh trong năm 2010. Tuy nhiên, dù tăng trưởng GDP của Việt Nam cả năm đạt 6,78% nhưng nền kinh tế vẫn tiềm ẩn những dấu hiệu bất ổn, đặc biệt là nguy cơ lạm phát tăng cao trở lại..

TỔNG QUAN

Tăng trưởng GDP - GDP năm 2010 của Việt Nam tăng 6.78%

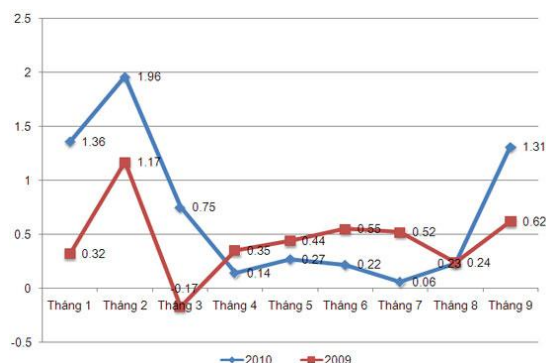


Đồ thị 1: GDP qua các năm (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Chỉ số CPI – vượt mục tiêu kiềm chế lạm phát của chính phủ là 8%

Tăng trưởng GDP quý 1/2010 đạt 5,84%, quý 2 tăng 6,44%, quý 3 tăng 7,18% và quý 4 ước tăng 7,34%. Như vậy, mức tăng GDP quý 4 năm nay đạt cao nhất kể từ quý 2/2008. Mức tăng trưởng GDP năm nay đạt được do tất cả các ngành, lĩnh vực đều đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 11.75% so với tháng 12/2009, trong đó chỉ số giá tháng 12 của nhóm hàng tăng cao nhất là lương thực.



Biểu đồ CPI năm 2010

BCTN 2010

Sản xuất công nghiệp phục hồi

- Năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 794,2 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2009, phục hồi và phát triển nhanh dần trong các tháng cuối năm. Khu vực kinh tế Nhà nước tăng 7,4%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 14,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,2%

Kim ngạch xuất nhập khẩu

- Kim ngạch xuất và nhập khẩu ước đạt 71,63 tỷ USD, tăng 25,5% so với năm 2009, vượt trên 10 tỷ USD so với kế hoạch; nhập siêu cũng tiến đến 12,4 tỷ USD và chiếm khoảng 17,3% tổng kim ngạch nhập khẩu cả năm 2010 hoàn thành chỉ tiêu khống chế dưới 20% tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm.

Thu hút vốn FDI, ODA

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư FDI tin tưởng môi trường đầu tư Việt Nam đang tốt lên, là điểm đến đáng tin cậy

- FDI cả năm 2010 đạt khoảng 18,1 tỷ USD, trong đó vốn đăng ký thêm của các doanh nghiệp khoảng 3,1 tỷ USD. Vốn FDI thực hiện năm 2010 đạt khoảng trên 11 tỷ USD. Cơ cấu đầu tư FDI chuyển mạnh mẽ sang lĩnh vực dịch vụ chiếm 74.5% (trong đó lĩnh vực BĐS là chủ yếu).

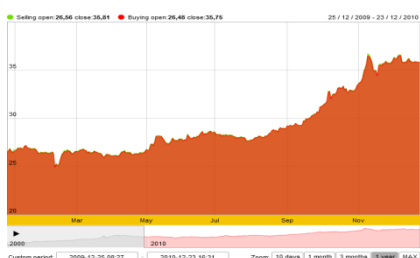
- Tổng giá trị giải ngân vốn ODA năm 2010 ước đạt 3,5 tỷ USD, bằng 144,2% so với kế hoạch cả năm. Giá trị vốn ODA được ký kết đạt 3,172 tỷ USD, trong đó vốn vay đạt 3,034 tỷ USD, viện trợ không hoàn lại đạt 138 triệu USD, thấp hơn dự kiến là 4.093 tỷ USD.

BCTN 2010

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Một loạt các giải pháp bao gồm: đóng cửa sàn vàng, sửa đổi thông tư 13, bơm mạnh vốn trên thị trường OMO, hạ giá đồng nội tệ, cấp quota nhập khẩu vàng, tăng lãi suất cơ bản, ... nhằm ổn định thị trường tiền tệ thực hiện mục tiêu kiểm chế lạm phát đồng thời duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế

Vàng tăng cao nhất lên 38,5 triệu đồng tăng 43,6% so với giá đóng cửa năm 2009.



Biểu đồ giá vàng 1 năm của SCJ

- **Sửa đổi thông tư 13:** Thông tư 13 ban hành ngày 20/5 về tăng tỷ lệ an toàn vốn (CAR) từ 8% - 9% và áp dụng các tỷ lệ mới về tính hệ số rủi ro đối với khoản vay ngân hàng, bất động sản đã ảnh hưởng mạnh đến cả thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản cũng như hoạt động của các NHTM. NHNN sửa đổi thành Thông tư 19 áp dụng ngày 01/10/2010, trong đó có nhiều điểm sửa đổi nói lỏng nguồn cấp tín dụng cho các NHTM.

- **Điều chỉnh tỷ giá:** USD lên cao nhất 21.500 đồng vào tháng 11/2010, NHNN đã 2 lần điều chỉnh tỷ giá vào ngày 10/2/2010 (tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 17.941 đồng lên 18.544 đồng/USD, mức tăng 3,3%) và vào ngày 18/08/2010, tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng lên 18.932 đồng/USD, mức tăng 2,09%.

- **Tăng lãi suất cơ bản:** Trước những diễn biến khó lường của tỷ giá và giá vàng trong nước, Ủy ban Giám sát tài Chính Quốc gia công bố thả nổi lãi suất theo thị trường. Ngày 05/11, NHNN tăng lãi suất cơ bản từ 8% lên 9%. Các thành viên Hiệp hội ngân hàng nâng mức lãi suất huy động đồng thuận lên trần 12%/năm.

- **Điều tiết thị trường vàng:** Chấm dứt hoạt động sàn giao dịch vàng từ 30/3/2010, bãi bỏ các quy định về việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài. Trong năm, NHNN đã phải đưa ra khá nhiều quy định nhằm hạ nhiệt thị trường vàng như cho phép doanh nghiệp nhập khẩu vàng, giảm thuế nhập khẩu vàng từ 1% còn 0% từ ngày 12/11/2010; tăng thuế xuất khẩu vàng từ 0% lên 1% từ 01/01/2011; ban hành thông tư 22 hạn chế việc huy động và sử dụng vốn huy động bằng vàng của các NHTM.

BCTN 2010

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Khép lại năm 2010, VN-INDEX đạt 484,66 điểm, giảm 2% so với cuối năm 2009



Diễn biến VNINDEX năm 2010

Các sự kiện chứng khoán nổi bật trong năm

Nguồn cung ồ ạt lên thị trường

Hoạt động M&A được đẩy mạnh

- *Chỉ số thị trường giảm điểm so với năm 2009: Khép lại năm 2010, VN-Index đạt 484,66 điểm giảm 10,14 điểm so với năm 2009, tương đương giảm 2%. HNX-Index đạt 114,24 giảm 32% so với mức đóng cửa năm 2009 là 168,17 điểm.*

- *Khối lượng mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài mạnh nhất trong thập kỷ: Tính từ đầu năm đến nay, khối này mua ròng trên HSX tới 14.400 tỷ đồng về giá trị và 244 triệu đơn vị về khối lượng. Đây là khối lượng mua ròng kỷ lục trong 10 năm hoạt động của khối này tại TTCK Việt Nam.*

Năm 2010 là năm niêm yết ồ ạt của các doanh nghiệp mới. Tính đến ngày 26/12/2010, số lượng doanh nghiệp niêm yết trên cả hai sàn là 643 với giá trị vốn hóa thị trường đạt 701,9 tỷ đồng. So với năm 2009, số doanh nghiệp niêm yết mới đã tăng 189 doanh nghiệp (42%), mức tăng kỷ lục kể từ khi ra đời của TTCK Việt Nam.

- Năm 2010, hoạt động M&A (mua bán-sáp nhập) trên thị trường chứng khoán đã phát triển mạnh cả về số lượng lẫn hình thức. Về sáp nhập doanh nghiệp, có sáp nhập giữa KMR-KMF, HT1-HT2, KDC-NKD. Về chào mua công khai có HVG chào mua AGF; Thành Thành Công chào mua cổ phiếu NHS; Bảo hiểm Prudential chào mua chứng chỉ quỹ PRUBF1... Tập đoàn Masan (MSN) mua lại quyền khai thác mỏ đa kim Núi Pháo từ các quỹ của Dragon Capital.

BCTN 2010

Sửa đổi, bổ sung khung pháp lý

Nhiều quy định pháp lý đang dần được hoàn thiện, bổ sung nhằm phản ánh sát với những biến động thực tế của thị trường

- Mức xử phạt đối với các hoạt động vi phạm trong giao dịch chứng khoán được nâng lên. Thao túng giá chứng khoán có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Bộ Tài chính dự kiến yêu cầu vốn điều lệ thành lập CTCK và công ty quản lý quỹ lên 500 tỷ đồng; CTCP muốn niêm yết trên HoSE cần 120 tỷ vốn điều lệ và tại HNX là 30 tỷ đồng.

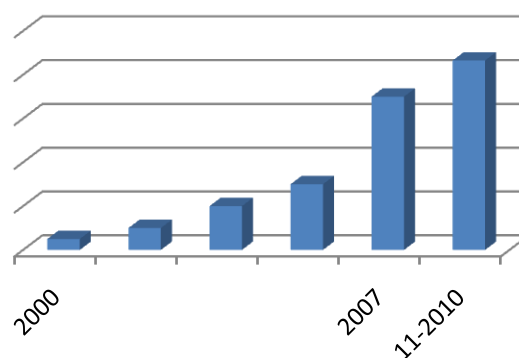
BCTN 2010

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA BSC

THÀNH LẬP

- Khai trương vào ngày 7 tháng 7 năm 2000, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) vinh dự trở thành Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.
- Trong năm 2007, BSC đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.
- Ngày 17/11/2010, BSC thực hiện IPO thành công và tăng vốn lên 865 tỷ đồng.

Vốn điều lệ (tỷ đồng)



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

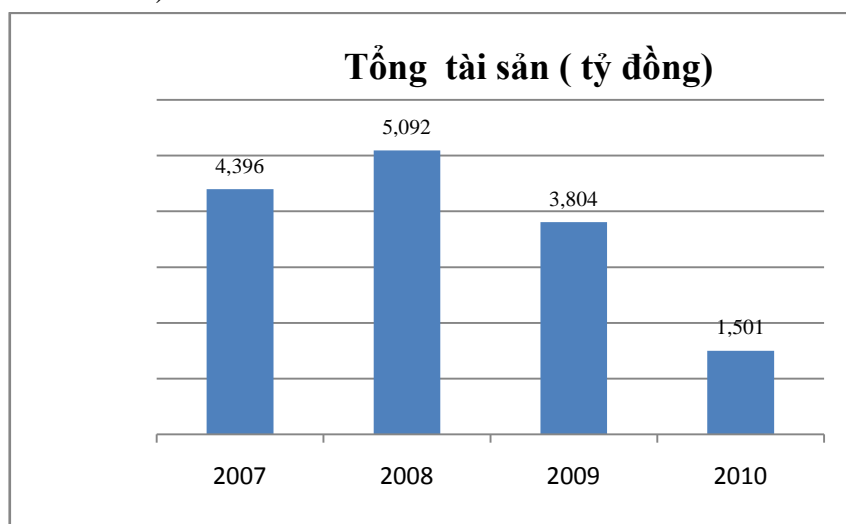
(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000001 ngày 31/03/2000 và được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mới số 111/GP-UBCK ngày 31/12/2010.

- Dịch vụ Môi giới, lưu ký chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán
- Các dịch vụ khác

BCTN 2010

BSC - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- Là BSC con có 100% vốn do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – BIDV, một trong bốn ngân hàng thương mại Nhà nước lớn tại Việt Nam.
- Từ những ngày đầu thành lập BSC đã có mặt tại hai trung tâm tài chính lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh
- Sau 10 năm xây dựng và phát triển, hiện vốn điều lệ của BSC đã lên tới 865 tỷ đồng và đã thiết lập mạng lưới trên khắp cả nước với hơn 26 điểm hỗ trợ giao dịch đặt tại các tỉnh/thành phố trên cả nước (tại thời điểm tháng 31/12/2010).



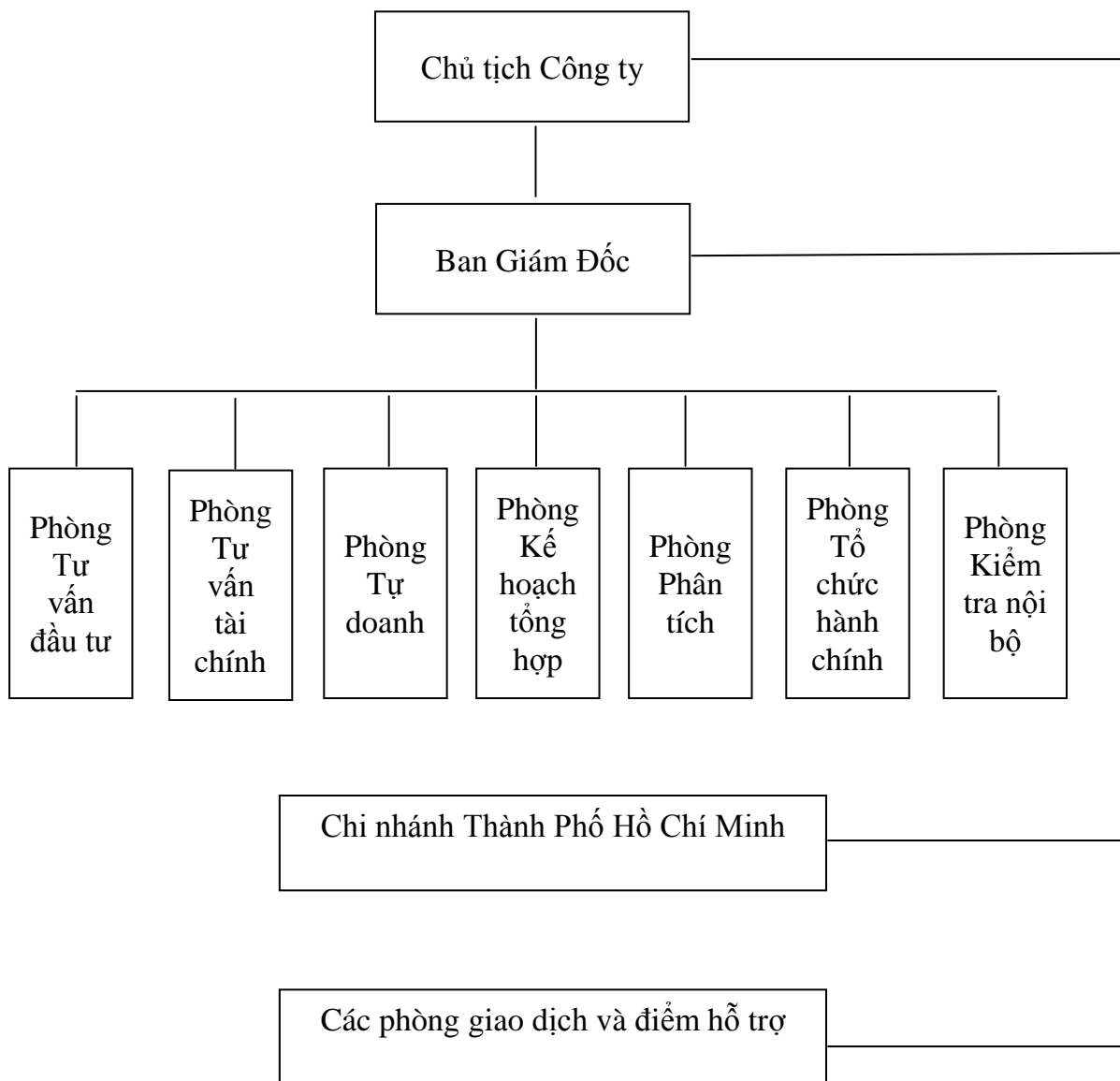
- BSC đã xây dựng được quan hệ hợp tác tốt đẹp với các thành viên trên thị trường như các công ty chứng khoán và ngân hàng đầu tư, các quỹ và tổ chức tài chính, giới đầu tư và doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý tại Việt Nam.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT

- ▶ Là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam được nhận chứng chỉ Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI cấp. Đến 30/10/2009, BSC tiếp tục hoàn thành chương trình tái cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert cấp chứng chỉ.
- ▶ Ngày 13/10/2009, BSC được HNX tôn vinh là 1 trong 15 công ty chứng khoán tiêu biểu trong số gần 100 thành viên tại HNX. Theo HNX, Đối với công ty chứng khoán thành viên, bình chọn DN dựa trên các tiêu chí: Một là thị phần giao dịch của thành viên giai đoạn 2008-2009; Hai là việc đóng góp của thành viên trong công tác phát triển hàng hóa cho TTCK, ba là kết quả hoạt động của thành viên trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều khó khăn giai đoạn 2008, 6 tháng đầu năm 2009, bốn là việc tuân thủ tốt nghĩa vụ thành viên nói riêng và các quy định pháp luật nói chung và năm là hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với NĐT của mỗi thành viên.
- ▶ Đầu năm 2010, BSC được Bộ Tài chính trao tặng bằng khen “Đã có thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán – Giai đoạn 2006 - 2010”.
- ▶ Tháng 9/2010, BSC được vinh dự nhận Cúp vàng doanh nghiệp tiêu biểu 1000 năm Thăng Long.
- ▶ Ngày 27/09/2010, BSC được nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” – năm 2010 dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- ▶ Năm 2010, BSC nằm trong top 500 DN tăng trưởng nhanh nhất Việt nam của Bảng xếp hạng FAST500 - TOP 500 vinh danh các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn hoạt động, được báo VietNamNet và Công ty Vietnam Report công bố.

BCTN 2010

CƠ CẤU TỔ CHỨC



BCTN 2010

**CÁC
THÀNH
VIÊN
BAN
GIÁM
ĐỐC**

Giám đốc – Ông Đỗ Huy Hoài

Sinh năm 1963
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế Quốc dân.
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/2000.
Được bổ nhiệm Giám đốc BSC vào 01/01/2007.

Phó Giám đốc – Bà Lưu Diễm Cẩm

Sinh năm 1974
Cử nhân Luật – ĐH Luật Hà Nội.
Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ tháng 03/2000.
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào 01/05/2006

Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Quốc Tín

Sinh năm 1977
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ tháng 10/2009
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào tháng 11/2009

Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Thắng

Sinh năm 1977
Thạc sỹ Kinh tế - ĐH Ngoại thương
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 03/2001.
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào 15/10/2007

Phó Giám đốc – Bà Trần Thị Thu Thanh

Sinh năm 1975
Cử nhân Học Viện Ngân hàng
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 12/2000.
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào 01/04/2008

BCTN 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KHKD NĂM 2010:

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Thực hiện 2010 | %thực hiện so với 2009 | KH 2010 | %thực hiện so với kế hoạch |
|--|----------------|----------------|------------------------|---------------|----------------------------|
| Chỉ tiêu số lượng | | | | | |
| Tổng doanh thu | 619.572 | 422.914 | | | |
| Hoạt động môi giới | 61.326 | 42.866 | 70% | 40.000 | 107% |
| Doanh thu từ hoạt động đầu tư kinh doanh | 545.289 | 354.943 | 65% | | |
| - Hoạt động tự doanh | 233.398 | 123.804 | | | |
| - Doanh thu về vốn kinh doanh | 311.891 | 231.139 | | | |
| Hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành | 9.139 | 22.474 | 246% | | |
| Lưu ký, khác | 3.818 | 2.443 | 64% | | |
| Thu dịch vụ ròng | 45.575 | 39.629 | 87% | 28.000 | 142% |
| Chỉ tiêu chất lượng | | | | | |
| Thị phần môi giới theo giá trị giao dịch thực hiện tại công ty | 2.54% | 2.55% | 100% | | |
| Chỉ tiêu hiệu quả | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 436.736 | 11.010 | | 10.000 | 110% |
| ROE | 71.5% | | 1.47% | | |

BCTN 2010

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

Lợi nhuận trước thuế: 11 tỷ đồng đạt 110% so với kế hoạch giao. Trong đó:

| Chỉ tiêu | 31/12/2009 | 31/12/2010 |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| VNINDEX | <u>494.77</u> | <u>484.66</u> |
| Trích lập DPRR | 146.485 | 43.786 |
| Lợi nhuận trước thuế | 436.736 | 11.010 |

Hoạt động môi giới

Khép lại năm 2010, VN-Index đạt 484,66 điểm, giảm 2% so với năm 2009, HNX-Index đạt 114,24 giảm 32% so với năm 2009, khối lượng giao dịch giảm, thanh khoản thấp đã ảnh hưởng đến doanh thu và thị phần môi giới của Công ty.

- Doanh thu là 42.8 tỷ đồng đạt 107% so với kế hoạch được giao, bằng 70% so với năm 2009.
- Lợi nhuận từ hoạt động môi giới của Công ty là 21 tỷ đồng. Thu dịch vụ ròng là 39.629 triệu đồng đạt 142% so với kế hoạch, bằng 87% so với năm 2009.
- Số lượng tài khoản: 45.682 tài khoản (99.7% là tài khoản cá nhân) tăng 14.3% so với năm 2009.
- Thị phần môi giới : 2.55% đạt 148% so với kế hoạch, tăng 0.01% so với năm 2009.
- *Tổ chức thành công các hội thảo thuyết trình đánh giá thị trường cho nhà đầu tư tại HN và TP.HCM: BSC liên tục tổ chức các buổi Hội nghị tư vấn đầu tư với khách hàng với các chủ đề ‘Nhận định cơ hội, rủi ro thị trường & Triển vọng đầu tư’, ‘Tổng kết tình hình Kinh tế và Thị trường Chứng khoán 7 tháng đầu năm - Dự báo triển vọng những tháng cuối năm’ cung cấp cho nhà đầu tư những thông tin hữu ích và cơ sở cần thiết để đưa ra cơ hội đầu tư mới trên thị trường, phối hợp với các chuyên gia đầu ngành nhằm nâng cao năng lực phân tích, tiếp cận với những thông tin kinh tế cập nhật nhất để phục vụ tốt nhất việc cho việc ra quyết định của nhà đầu tư thông qua hội thảo chuyên đề ‘Bức tranh tài chính tiền tệ 2011 & Triển vọng thị trường chứng khoán’.*

BCTN 2010

Hoạt động kinh doanh vốn

- Doanh thu là 231 tỷ đồng chiếm 55% tổng doanh thu. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vốn bao gồm repo, tiền gửi là 26 tỷ đồng .

Hoạt động đầu tư tự doanh

BSC đã cơ cấu danh mục đầu tư hướng tới mục tiêu an toàn, phản ứng linh hoạt với thị trường. Tích cực tìm kiếm và đầu tư vào các cổ phiếu OTC có tiềm năng tăng trưởng cao theo phương châm đầu tư an toàn, chắc chắn, thời gian thu hồi vốn ngắn và hiệu quả sử dụng vốn cao. Cơ cấu lợi nhuận hoạt động tự doanh theo đó cũng có sự chuyển biến tích cực, linh hoạt trong từng thời kỳ biến động của thị trường

- Doanh thu từ hoạt động tự doanh là 233 tỷ đồng trong đó 90% là doanh thu từ hoạt động mua bán. Thu lãi đầu tư từ cổ phiếu và trái phiếu là 24 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10%.
- BSC đã đầu tư vào các doanh nghiệp do chính công ty tư vấn và có kế hoạch niêm yết ngay trong năm 2010 như Sao Mai An Giang, Việt An, Thuận Thảo, Long Giang,...
- Lợi nhuận từ hoạt động tự doanh trái phiếu là 6 tỷ đồng, từng bước mở rộng thị phần, đối tác giao dịch trái phiếu và nâng cao vị thế của BSC.
- Ký hợp đồng khung hỗ trợ giao dịch đặt lệnh cho các công ty chứng khoán chưa phải là thành viên trên thị trường trái phiếu chuyên biệt. Kết quả đó đã đưa thị phần trái phiếu của BSC tiếp tục duy trì trong top đầu, đứng đầu trong quý 4/2010, đứng thứ 3 trong cả năm 2010.

Hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành

- Số hợp đồng tư vấn của Công ty trong năm 2010 thực hiện là 58 hợp đồng bao gồm: tư vấn CPH, tư vấn tài chính, tư vấn niêm yết, tư vấn đại hội cổ đông,... với tổng số phí thu được là 19 tỷ đồng, tăng 121% so với năm 2009, chiếm 38% tổng thu dịch vụ ròng.

BSC đã cung cấp dịch vụ tư vấn niêm yết sàn HOSE và HASTC cho các doanh nghiệp đầu ngành trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có thương hiệu và hình ảnh.

- Trong năm 2010, BSC đã cung cấp dịch vụ tư vấn niêm yết cho các Công ty như Sao Mai An Giang, Công ty CPĐT&PTĐT Long Giang, Công ty CP Việt An, Công ty Thuận Thảo,.... tạo được tiếng vang trong hoạt động và

BCTN 2010

khuyếch trương thương hiệu của Công ty.

Phát huy thế mạnh là công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ phát hành trái phiếu doanh nghiệp, BSC tiếp tục cùng BIDV triển khai mạnh dịch vụ tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp lớn: trái phiếu Hoàng Anh Gia Lai, Tân Tạo, Vinaconex, Long Hậu, thép Vạn Lợi, Tài nguyên.

CÁC HỆ SỐ AN TOÀN TÀI CHÍNH

- Tỷ trọng nguồn vốn ngắn/tài sản ngắn hạn là: 86%
- Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 74%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 1.12 lần đảm bảo theo quy định an toàn tài chính của Ủy ban chứng khoán là 6%.

BCTN 2010

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

ITEM

-
-
1. Công tác dịch vụ
 2. Xây dựng quy chế, quy trình hoạt động
 3. Đào tạo quản trị nhân lực
-
4. Công tác hiện đại hóa CNTT
 5. Công tác phát triển mạng lưới
 6. Công tác kế toán, kiểm tra nội bộ
 7. Công tác quản trị điều hành
-

BCTN 2010

Thực hiện cơ cấu bộ phận tư vấn đầu tư đồng triển khai các sản phẩm dịch vụ mới - nhằm nâng cao tính cạnh tranh cho các hoạt động dịch vụ, giành lại thị phần môi giới

- Tổ chức lại bộ phận chăm sóc khách hàng, cơ cấu và phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm phục vụ khách hàng theo 03 nguồn thu chính là: khách hàng VIP, khách hàng đại lý và khách hàng nước ngoài.
- Phối hợp với các chi nhánh BIDV triển khai cấp HMTD cho các Nhà đầu tư.
- Triển khai chương trình tìm kiếm hợp tác với môi giới cấp 2 nhằm mở rộng thị phần
- Triển khai sản phẩm mới có tính cạnh tranh trên thị trường cung cấp cho khách hàng. Đó là sản phẩm hợp tác đầu tư cổ phiếu niêm yết.
- Hoàn thiện Trang Web như một công cụ quảng bá hình ảnh và cung cấp các thông tin cập nhật nhằm thu hút các Nhà đầu tư.
- Cung cấp các bản tin định kỳ (ngày, tuần, tháng); phân tích, nhận định thị trường; khuyến nghị; tư vấn về chiến lược, cách thức đầu tư... với mục đích tạo ra các công cụ hỗ trợ cho khách hàng.

Xây dựng quy chế, quy trình hoạt động - tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2010 nhằm phục vụ cho công tác CPH cũng như đảm bảo cho các hoạt động Công ty đi vào quy chuẩn, nâng cao hiệu quả

- Triển khai thực hiện rà soát, chỉnh sửa văn bản nâng cấp công tác quản trị điều hành các phòng.
- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng đầu tư.
- Ban hành các quy trình, quy định nghiệp vụ mới: giao dịch thông sản với HNX, quy định vận hành Website, quy trình hợp tác đầu tư cổ phiếu niêm yết, quy định quản lý doanh thu chi phí, sửa đổi quy định thanh toán và tạm ứng, quy chế phối hợp nghiệp vụ giữa các phòng ban, quy trình phân tích, thẩm định báo

BCTN 2010

Đào tạo và quản trị nhân lực – nâng cao chất lượng cán bộ và năng lực cạnh tranh của Công ty

cáo doanh nghiệp, xây dựng phần mềm nhân sự mới,...

- Hoàn thành quá trình tuyển dụng nhân sự mới chất lượng cao cho các vị trí trong Công ty như tư vấn tài chính, phân tích,...
- Tham gia khóa đào tạo thị trường trái phiếu chuyên biệt tại HNX.
- Lập kế hoạch phối hợp với UBCKNN mở các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề.
- Tiếp tục cùng bên tư vấn thực hiện giai đoạn 3 trong dự án lương, đó là xây dựng hệ thống đánh giá kết quả công việc và hệ thống lương, thưởng, phúc lợi.

Công tác hiện đại hóa CNTT - nền tảng hỗ trợ nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh cho các hoạt động dịch vụ

- Tham gia test và kết nối trực tuyến với HNX vào ngày 08/02/2010.
- Hoàn thiện chương trình áp dụng bán chứng khoán T+2 cho khách hàng, sẵn sàng triển khai theo kế hoạch của UBCKNN.
- Phối hợp với VSSD triển khai quản lý hợp đồng bảo chứng và cầm cố chứng khoán của khách hàng.
- Thực hiện khảo sát nghiệp vụ các phòng và tiến hành chọn nhà cung cấp phần mềm Core chứng khoán trong tháng 6/2010. Tổ chức chọn thầu bắt đầu triển khai hệ thống hiện đại hóa CNTT vào năm 2011.

BCTN 2010

Công tác kế toán và kiểm tra nội bộ -
được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong năm chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty

- Kiểm tra việc tuân thủ các Quy trình nghiệp vụ khối Tự doanh và DVKH.
- Kiểm tra việc tuân thủ các Quy trình chi tiêu nội bộ.
- Kiểm tra việc tuân thủ các nội quy, quy định của cán bộ đối với các quy định của Công ty và người hành nghề chứng khoán.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.
- Công tác kế toán đảm bảo hạch toán các giao dịch phát sinh hàng ngày, đồng thời 100% chứng từ giao dịch chứng khoán được hậu kiểm kịp thời và chính xác, chậm nhất là sau 2 ngày giao dịch.
- Thực hiện báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán 06 tháng đầu năm phục vụ cho công tác xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2010.
- Hạch toán chuyển đổi dữ liệu sau IPO thành công

Công tác Cổ phần hóa – thực hiện
Nghị quyết số 1153/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của HĐQT Ngân hàng ĐT&PT VN, Ban chỉ đạo CPH BSC đã tích cực làm việc để triển khai dự án theo kế hoạch đề ra

- Thông qua dự thảo điều lệ công ty, KHKD 05 năm và mô hình tổ chức sau CPH.
- Hoàn thành báo cáo XDGTĐN trong tháng 8/2010.
- Hoàn thành phương án CPH trong tháng 8/2010.
- IPO thành cụng vào 17/11/2010.
- Chuyển đổi dữ liệu kế toán trong tháng 12/2010.
- Tổ chức đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011, định hướng hoạt động giai đoạn 2011-2013 và phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 trong tháng 12/2010.

BCTN 2010

Công tác quản trị điều hành

- Triển khai phối hợp với BIDV hoàn thành các thủ tục thành lập công ty chứng khoán tại Campuchia.
- Triển khai công tác CPH.
- Theo sát quá trình lập, giao và giám sát KHKD nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã hoạch định của năm chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty.

Công tác đoàn thể

Công tác Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức khác tiếp tục phát huy được vai trò và nhiệm vụ của mình, đẩy mạnh các phong trào văn hoá thể thao, tạo môi trường làm việc lành mạnh cho cán bộ

- Tham gia cuộc thi tìm hiểu lịch sử Thăng Long – Hà Nội 1000 năm văn hiến, trong đó có 4 bài viết tiêu biểu được BCH Đoàn BIDV chọn để thi tiếp ở Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương.
- Thực hiện phong trào 5 xung kích, 4 đồng hành:
 - Xung kích thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của đơn vị, Xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, Xung kích thực hiện cải cách hành chính, Xung kích trong hội nhập kinh tế quốc tế.
 - Đồng hành với thanh niên trong học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, Đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp và việc làm, Đồng hành với thanh niên trong nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần “ **Tinh thần đồng đội vượt đỉnh Phansipan**” với 44 đoàn viên tham gia, đã chinh phục được đỉnh núi cao nhất Đông Dương, để lại dấu ấn của BSC trên đỉnh Phansipan,..., Đồng hành với thanh niên trong phát triển kỹ năng xã hội với cuộc thi “ cán bộ BSC trí tuệ - năng động – sáng tạo”,...

BCTN 2010

ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT

Khép lại năm 2010, cũng khép lại giai đoạn kế hoạch 5 năm 2006-2010 đầy thăng trầm, BSC đã khẳng định bản lĩnh của một Công ty lớn vượt qua được các biến động của thị trường cũng như trong nội tại Công ty, từng bước xây dựng được một đội ngũ mới sau khủng hoảng đang dần trưởng thành và khẳng định mình.

Năm 2010 cũng là năm đánh dấu cột mốc quan trọng trong hoạt động của BSC và chiến lược dài hạn của BIDV. Đó là sự chuyển biến trong việc chuyển đổi mô hình công ty sang CPH, mở ra một trang hoạt động mới cho BSC.

- ***Kết quả kinh doanh có lãi:*** BSC đã luôn nỗ lực cố gắng, phấn đấu vượt qua những giai đoạn khó khăn cũng như thăng trầm của thị trường. Trong diễn biến thị trường năm 2010, các yếu tố kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, thanh khoản thị trường thấp, xu hướng giảm điểm kéo dài, các công ty chứng khoán cùng ngành đều có kết quả kinh doanh thua lỗ, thì BSC vẫn kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn. Lợi nhuận năm 2010 là 11 tỷ đồng đạt 110% so với kế hoạch đặt ra.
- ***Thực hiện IPO thành công trong năm 2010:*** hoàn thành một mắt xích quan trọng trong chiến lược CPH của BIDV. Đặc biệt là tại thời điểm điều kiện thị trường đang diễn biến rất khó khăn, ảm đạm, BSC đã trở công ty duy nhất trên thị trường thực hiện thành công IPO, phân phối hết 100% khối lượng phát hành, khẳng định hình ảnh và vị thế của BSC và niềm tin của nhà đầu tư.
- ***Phát triển sản phẩm mới:*** Triển khai được hệ thống các sản phẩm dịch vụ chứng khoán mới đáp ứng nhu cầu thị trường.
- ***Duy trì được hình ảnh, uy tín của BSC:***
 - o Đầu năm 2010, BSC được Bộ Tài chính trao tặng bằng khen “Đã có thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán – Giai đoạn 2006 - 2010”
 - o Tháng 9/2010, BSC được vinh dự nhận Cúp vàng doanh nghiệp tiêu biểu 1000 năm Thăng Long
 - o Ngày 27/09/2010, BSC được nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” – năm 2010 dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

BCTN 2010

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011

NHẬN ĐỊNH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2011

Năm 2011 là năm có nhiều thách thức khi kinh tế giới dự báo là giảm hơn năm 2010. Do đó, các chính sách kinh tế hướng đến mục tiêu dài hạn, ổn định kinh tế vĩ mô nhất là kiềm chế lạm phát, lành mạnh hóa thị trường tài chính hơn là theo đuổi mục tiêu tăng trưởng GDP cao tạo niềm tin cho thị trường.

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

Trong kế hoạch năm 2011, năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển 10 năm 2011 – 2020, Chính phủ vẫn đặt mục tiêu tăng cường ổn định vĩ mô và kiềm soát lạm phát lên hàng đầu và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010 gắn với chuyển đổi cơ cấu, nâng cao năng suất chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế...

Chính sách tài khóa, tiền tệ

Chính phủ đã xác định, năm 2011 cần phối hợp chặt chẽ điều hành chính sách tài khóa, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát và quản lý nhập siêu

Các chỉ tiêu cụ thể

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển biến cơ cấu kinh tế, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 7-7,5%.
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2011 tăng 10% so với năm 2010, nhập siêu không vượt quá 18% kim ngạch xuất khẩu.
- Cán cân thanh toán tổng thể được dự kiến sẽ trong thặng dư vào năm 2011; nâng dự trữ chính thức.
- Tăng trưởng tín dụng năm 2011 là 23%. Tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng, đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng của các TCTD để áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm kiểm soát chặt chẽ quy mô, chất lượng và cơ cấu tín dụng.
- Tổng phương tiện thanh toán tăng 21-24%.
- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại các TCTD phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, tăng cường.

BCTN 2010

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2011:

Bước sang năm 2011, Việt Nam còn đúng 1 năm là phải mở cửa hoàn toàn theo các cam kết tại WTO. Các tổ chức nước ngoài 1 năm nữa sẽ được lập công ty 100% vốn tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ chứng khoán sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Năm 2011, khối CTCK dự báo sẽ chuyển động theo 3 xu hướng chính. Những công ty đã phát triển mạnh sẽ củng cố vị thế, sẵn sàng cạnh tranh với khối ngoại. Những công ty ở mức trung bình có xu hướng tìm đối tác chiến lược để tăng vốn, tăng khả năng cạnh tranh (theo thống kê từ UBCK, đã có trên 10 tổ chức nước ngoài trở thành cổ đông lớn và có chân trong HĐQT tại CTCK Việt Nam). Số còn lại theo xu hướng thu hẹp, sáp nhập. Theo chiến lược phát triển thị trường giai đoạn 2011-2020, hoạt động của các công ty chứng khoán: tăng quy mô, chất lượng công ty chứng khoán theo hướng tái cấu trúc (phá sản, thu hẹp, sáp nhập); giảm số lượng công ty chứng khoán từ trên 100 như hiện nay xuống khoảng 50 công ty (bình quân thị phần mỗi công ty chứng khoán là 4 tỷ USD).

Năm 2011, với sự chuyển động theo hướng chuyên nghiệp của dịch vụ chứng khoán; tính minh bạch, công bằng trong các giao dịch, TTCK Việt Nam có cơ sở để kỳ vọng vào một năm phát triển ổn định và bền vững hơn

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA TTCK NĂM 2011

- Một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 là nâng cao tính thanh khoản, kéo dài thời gian giao dịch sang buổi chiều.
- Xem xét hoàn chỉnh các văn bản hướng dẫn cho các nghiệp vụ như giao dịch ký quỹ, repo, tạo điều kiện cho CTCK làm dịch vụ ngân hàng đầu tư, đẩy nhanh việc hướng dẫn để nhà đầu tư có thể thực hiện bán cổ phiếu trước ngày cổ phiếu về tài khoản, cho nhà đầu tư được mở nhiều tài khoản.
- Nâng cao các chuẩn mực niêm yết và tăng cường mạnh mẽ công tác thanh tra, giám sát. Công tác đảm bảo trật tự thị trường cũng sẽ được UBCK và các cơ quan chức năng đẩy lên một nấc cao hơn. Các mức xử phạt vi phạm hành chính sẽ tăng gấp 5, gấp 10 lần năm cũ và những khoản lòi bất chính từ sự trục lợi trên thị trường sẽ bị tịch thu toàn bộ.

BCTN 2010

THỜI CƠ, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Năm 2011 là năm được nhận định là có nhiều thách thức, kinh tế giới dự báo giảm hơn năm 2010, kinh tế trong nước vẫn còn nhiều bất ổn khi giá vàng tăng, thị trường tài chính - tín dụng - tiền tệ có nhiều nét không tích cực đặc biệt là nguy cơ tái lạm phát trong những năm tiếp theo.

Thời cơ

- Nhu cầu vốn đầu tư qua kênh TTCK hiện nay vẫn còn rất lớn, là một cơ hội tốt để các Công ty chứng khoán phát triển mạnh dịch vụ môi giới, tư vấn và bảo lãnh phát hành.
- Kế hoạch tăng vốn của BSC vào nửa đầu năm 2011 là một ưu thế sẽ giúp cho BSC có nhiều đối tác và bạn hàng chiến lược... Trong số này sẽ có thể triển khai việc cung ứng nhiều dịch vụ chứng khoán hiện đại tới các khách hàng mới.

Thách thức, nguy cơ

- Tại Việt Nam, năm 2010, tuy GDP đạt được tốc độ tăng trưởng khá trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, nhưng kinh tế vĩ mô có nhiều biến động: CPI cao, lãi suất tăng, đồng nội tệ mất giá,... tiếp tục tác động đến nền kinh tế năm 2011 và ảnh hưởng tới hoạt động của TTCK.
- Cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán diễn ra ngày càng gay gắt, đặc biệt khi thời điểm mở cửa ngày càng đến gần, các tổ chức nước ngoài 1 năm nữa sẽ được lập công ty 100% vốn tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ chứng khoán. Để tồn tại và phát triển, đòi hỏi các công ty chứng khoán trong nước trong đó có BSC phải củng cố nội lực, vị thế sẵn sàng cạnh tranh với khối ngoại, đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng đầu tư.

BCTN 2010

MỤC TIÊU KINH DOANH 2011:

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG: *trọng tâm là gia tăng các hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính, chứng khoán, đồng thời xây dựng các nền tảng cơ bản cho sự phát triển của hoạt động đầu tư trong các năm tiếp theo. Đây được coi là bước đi nền tảng để xác lập hoạt động lâu dài của công ty trong giai đoạn 2011-2015.*

- Nằm trong Top 10 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Nằm trong top 10 công ty dẫn đầu về việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính hiện đại.
- Tạo dựng được hình ảnh và phong cách khác biệt với đối thủ cạnh tranh trên thị trường về uy tín, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, và sự chuyên nghiệp.
- Định hướng từng bước mở rộng thị trường quốc tế, mang đến sự hiện diện của BSC.

MỤC TIÊU

Mục tiêu chung:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011 đã đề ra. Đặt mục tiêu hiệu quả kinh doanh bền vững trên cơ sở hoạt động có chuẩn mực; quảng bá được hình ảnh của BSC và thương hiệu BIDV. Phát triển chuyên sâu, nâng cao chất lượng về mọi mặt hoạt động trên cơ sở nâng cao năng lực đội ngũ.
2. Củng cố và phát triển nền tảng cơ cấu khách hàng, chủ động mở rộng hợp tác trong quan hệ quốc tế.
3. Củng cố, hoàn thiện các hoạt động có tính chất nền tảng cho mô hình tổ chức mới bao gồm lương, quản trị nội bộ.
4. Kiểm soát được mọi hoạt động, đảm bảo minh bạch, an toàn, hiệu quả. Chế độ thông tin báo cáo và chỉ đạo được thông suốt kịp thời.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (“các báo cáo tài chính”) được trình bày từ trang 4 đến trang 38. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các quy định liên quan đến việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007, Thông tư 146/2007/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam, ngày 20 tháng 1 năm 2011

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

| <i>Mã số</i> | <i>TÀI SẢN</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số trình bày lại</i> |
|--------------|--|--------------------|----------------------------------|---|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.364.049.499.688 | 3.579.651.336.314 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 207.858.679.941 | 422.224.191.778 |
| 111 | 1. Tiền | | 175.858.679.941 | 422.224.191.778 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 32.000.000.000 | - |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 881.735.156.851 | 688.409.534.524 |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | 5.1 | 925.521.585.181 | 818.326.880.954 |
| 129 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 5.4 | (43.786.428.330) | (129.917.346.430) |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 6 | 225.350.123.347 | 2.448.277.832.475 |
| 131 | 1. Phải thu của khách hàng | | 8.985.500.000 | 2.261.680 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 350.690.740 | 191.098.000 |
| 135 | 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | 161.935.005.834 | 51.453.249.729 |
| 138 | 4. Các khoản phải thu khác | | 54.078.926.773 | 2.396.920.815.786 |
| 139 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | - | (289.592.720) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 7 | 423.662.545 | 74.961.000 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 48.681.877.004 | 20.664.816.537 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 178.475.000 | 15.400.000 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | - | 132.957.523 |
| 154 | 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | 5.280.764.615 | 5.280.764.615 |
| 158 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | 8 | 43.222.637.389 | 15.235.694.399 |

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

| <i>Mã số</i> | <i>TÀI SẢN</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> <i>Số trình bày lại</i> |
|--------------|---|--------------------|----------------------------------|---|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 137.129.966.344 | 224.491.453.152 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 6.903.115.473 | 4.618.019.510 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9.1 | 6.380.122.604 | 3.910.746.639 |
| 222 | Nguyên giá | | 16.497.985.517 | 16.088.066.508 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (10.117.862.913) | (12.177.319.869) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 9.2 | 522.992.869 | 707.272.871 |
| 228 | Nguyên giá | | 945.680.998 | 945.680.998 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (422.688.129) | (238.408.127) |
| 250 | II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 5.2 | 117.344.540.738 | 213.445.052.196 |
| 253 | 1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn | | 117.344.540.738 | 229.846.597.300 |
| 254 | Chứng khoán sẵn sàng để bán | | 117.344.540.738 | 229.846.597.300 |
| 255 | Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | - |
| 258 | 2. Đầu tư dài hạn khác | | - | 167.000.000 |
| 259 | 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | - | (16.568.545.104) |
| 260 | III. Tài sản dài hạn khác | | 12.882.310.133 | 6.428.381.446 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 2.773.842.397 | 502.822.945 |
| 263 | 2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 10 | 7.342.082.984 | 5.920.558.501 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | 2.766.384.752 | 5.000.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.501.179.466.032 | 3.804.142.789.466 |

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

| <i>Mã số</i> | <i>NGUỒN VỐN</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số trình bày lại</i> |
|--------------|---|--------------------|----------------------------------|---|
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 734.510.546.153 | 3.058.072.382.096 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 734.391.425.656 | 3.057.975.472.634 |
| 311 | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 11 | - | 115.000.000.000 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | 847.913.097 | 827.496.534 |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | | 1.039.500.000 | 2.116.750.000 |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12 | 2.452.135.856 | 78.928.531 |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | | 676.302.113 | 4.968.000 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 13 | 480.866.764 | 153.518.832.878 |
| 320 | 7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 14 | 157.198.171.867 | 417.038.390.515 |
| 321 | 8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | | 1.446.795.544 | 1.774.604.774 |
| 322 | 9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | | - | - |
| 328 | 10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 15 | 570.249.740.415 | 2.367.615.501.402 |
| 329 | 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | - | - |
| 430 | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | - | - |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 119.120.497 | 96.909.462 |
| 333 | 1. Phải trả dài hạn khác | | - | - |
| 334 | 2. Vay và nợ dài hạn | | - | - |
| 336 | 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | 119.120.497 | 96.909.462 |
| 339 | 4. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư | | - | - |
| 340 | 5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn | | - | - |
| 400 | B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 16 | 766.668.919.879 | 746.070.407.370 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 766.668.919.879 | 743.907.131.724 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 700.000.000.000 | 700.000.000.000 |
| 415 | 2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | 11.226.929.690 | - |
| 416 | 3. Quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 208.262.457 | 104.397.901 |
| 417 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 92.009.778.586 | 92.009.778.586 |
| 418 | 5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định | | 32.509.049.335 | 32.509.049.335 |
| 420 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (69.285.100.189) | (80.716.094.098) |
| 430 | II. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | - | 2.163.275.646 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.501.179.466.032 | 3.804.142.789.466 |

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | CHỈ TIÊU | Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|-------|--|---------------------------|---------------------------|
| 001 | 1. Tài sản cố định thuê ngoài | - | - |
| 002 | 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ | - | - |
| 003 | 3. Tiền vay của khách hàng do BSC cam kết bảo đảm | 2.957.500.000 | - |
| 004 | 4. Nợ khó đòi đã xử lý | - | - |
| 005 | 5. Ngoại tệ các loại | 104.846 | 4.741 |
| 006 | 6. Chứng khoán lưu ký | 4.308.747.030.000 | 5.295.366.310.000 |
| | <i>Trong đó</i> | | |
| 007 | 6.1. Chứng khoán giao dịch | 4.022.054.280.000 | 3.715.398.820.000 |
| 008 | 6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 114.020.880.000 | 44.661.030.000 |
| 009 | 6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 3.111.947.950.000 | 2.921.530.370.000 |
| 010 | 6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 796.085.450.000 | 734.744.920.000 |
| 011 | 6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác | - | 14.462.500.000 |
| 012 | 6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 144.071.670.000 | 418.885.940.000 |
| 013 | 6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký | 4.825.000.000 | 12.250.000.000 |
| 014 | 6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 139.246.670.000 | 406.635.940.000 |
| 017 | 6.3. Chứng khoán cầm cố | 9.159.230.000 | 1.097.874.240.000 |
| 018 | 6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | - | 86.482.000.000 |
| 019 | 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 9.159.230.000 | 1.011.392.240.000 |
| 022 | 6.4. Chứng khoán tạm giữ | 27.494.950.000 | 1.400.000.000 |
| 024 | 6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước | 27.494.950.000 | - |
| 025 | 6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài | - | 1.400.000.000 |
| 027 | 6.5. Chứng khoán chờ thanh toán | 49.999.700.000 | 57.632.950.000 |
| 028 | 6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký | 23.630.600.000 | 3.139.850.000 |
| 029 | 6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 26.362.100.000 | 54.463.400.000 |
| 030 | 6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài | 7.000.000 | 29.700.000 |
| 037 | 6.7. Chứng khoán chờ giao dịch | 24.908.200.000 | 3.973.660.000 |
| 038 | 6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký | 15.369.640.000 | 3.973.660.000 |
| 039 | 6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 9.376.210.000 | - |
| 040 | 6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài | 162.350.000 | - |
| 032 | 6.8. Chứng khoán phong tỏa chờ rút | 31.059.000.000 | - |
| 034 | 6.8.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 31.059.000.000 | - |
| 047 | 6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch | - | 200.700.000 |
| 050 | 7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết | 1.193.030.000 | 1.308.750.000 |
| | <i>Trong đó</i> | | |
| 051 | 7.1. Chứng khoán giao dịch | 1.193.030.000 | 1.308.750.000 |
| 052 | 7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 1.190.880.000 | 1.200.000.000 |
| 053 | 7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 2.150.000 | 108.750.000 |
| 082 | 8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng | 74.363.120.000 | 2.346.339.570.000 |
| 083 | 9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán | 385.220.270.000 | 344.882.701.173 |

Bà Lê Phương Thủy
Kế toán

Bà Lê Hồng Nhung
Phụ trách P. Tài chính Kế
toán

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 20 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước số trình bày lại |
|-----------|--|-------------|--------------------------|----------------------------|
| 01 | 1. Doanh thu | 17 | 423.392.107.350 | 619.572.335.329 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| 01.1 | - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | | 42.866.032.893 | 61.325.581.428 |
| 01.2 | - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | | 124.469.527.724 | 233.398.489.860 |
| 01.3 | - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | | 3.014.403.600 | 450.000.000 |
| 01.4 | - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | | 257.730.351 | 1.000.000 |
| 01.5 | - Doanh thu hoạt động tư vấn | | 19.201.763.037 | 8.688.152.010 |
| 01.6 | - Doanh thu lưu ký chứng khoán | | 2.443.369.442 | 3.817.784.603 |
| 01.7 | - Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá | | - | - |
| 01.8 | - Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản | | - | - |
| 01.9 | - Doanh thu khác | | 231.139.280.303 | 311.891.327.428 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | | 423.392.107.350 | 619.572.335.329 |
| 11 | 4. Chi phí hoạt động kinh doanh | 18 | (378.967.857.325) | (149.646.452.029) |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán | | (315.794.108.249) | (594.938.152.052) |
| | (Chi phí)/ hoàn nhập dự phòng chứng khoán | | (63.173.749.076) | 445.291.700.023 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | | 44.424.250.025 | 469.925.883.300 |
| 25 | 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19 | (32.910.550.863) | (31.982.577.463) |
| 30 | 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 11.513.699.162 | 437.943.305.837 |
| 31 | 8. Thu nhập khác | | 187.984.147 | 1.260.079.873 |
| 32 | 9. Chi phí khác | | (270.689.400) | (3.556.000.000) |
| 40 | 10. Lợi nhuận khác | | (82.705.253) | (2.295.920.127) |
| 50 | 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 11.430.993.909 | 435.647.385.710 |
| 51 | 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 12 | - | - |
| 52 | 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| 60 | 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 11.430.993.909 | 435.647.385.710 |

Bà Lê Phương Thủy
Kế toán

Bà Lê Hồng Nhung
Phụ trách P. Tài chính Kế toán

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận / (lỗ) trước thuế | | 11.430.993.909 | 435.647.385.710 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 46.630.687.606 | (271.262.252.490) |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | | 3.826.757.736 | 3.223.096.867 |
| 03 | Các khoản lập / (hoàn nhập) dự phòng | | 63.173.749.076 | (445.002.107.303) |
| 04 | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | | - | - |
| 05 | Lãi lỗ hoạt động đầu tư | | (256.096.288.441) | (233.398.489.860) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 235.726.469.235 | 403.915.247.806 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | 58.061.681.515 | (800.237.711.988) |
| 09 | (Tăng) / giảm các khoản phải thu | | 2.130.678.439.406 | 164.846.932.843 |
| 10 | (Tăng) / giảm hàng tồn kho | | (348.701.545) | 283.364.000 |
| 11 | (Tăng) / giảm chứng khoán thương mại | | (162.210.429.475) | 1.337.463.795.263 |
| 12 | Tăng / (giảm) các khoản phải trả | | (2.161.179.084.247) | (1.981.710.752.301) |
| 13 | (Tăng) / giảm chi phí trả trước | | (163.075.000) | (15.400.000) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (388.901.568.577) | (304.359.914.930) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | - | - |
| 16 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | (27.925.502.750) | (14.654.250.749) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (6.668.026.444) | (2.091.486.114) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (558.656.267.117) | (635.852.578.768) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (3.412.205.088) | (1.510.556.552) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 67.123.639 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 26 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 27 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (6.000.000.000) | - |
| 28 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 17.047.440.046 | 10.010.000.000 |
| 29 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 345.701.188.406 | 188.277.986.906 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư | | 353.403.547.003 | 196.777.430.354 |

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
 BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Đơn vị : đồng Việt Nam

| <i>Mã số</i> | <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|--------------|---|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 105.678.945.820 | - |
| 32 | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 11 | 635.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (750.000.000.000) | - |
| 35 | Trả lại vốn ủy thác cho người đầu tư | | - | - |
| 36 | Chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi về BIDV | | - | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động tài chính | | (9.321.054.180) | 115.000.000.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuận trong kỳ | | (214.573.774.294) | (324.075.148.414) |
| 60 | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | 422.224.191.778 | 746.194.942.291 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 208.262.457 | 104.397.901 |
| 70 | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | 3 | 207.858.679.941 | 422.224.191.778 |

 Bà Lê Phương Thủy
 Kế toán

 Bà Lê Hồng Nhung
 Phụ trách P. Tài chính Kế
 toán

 Ông Đỗ Huy Hoài
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 59/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 1999 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Hoạt động

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000001 ngày 31 tháng 3 năm 2000 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và các dịch vụ gia tăng khác.

Ngày 19 tháng 04 năm 2010, Công ty đã có Nghị quyết số 339/NQ-HĐQT của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa. Theo đó, Công ty đã tiến hành các bước chuẩn bị phục vụ cho mục đích cổ phần hóa trong năm 2010, trong đó có việc tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010. Ngày 12 tháng 8 năm 2010, Công ty và cơ quan định giá đã thống nhất kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010. Công ty tiến hành cổ phần hóa theo hình thức giữ nguyên vốn nhà nước hiện có, phát hành thêm cổ phần ra bên ngoài để tăng vốn điều lệ theo nguyên tắc nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối tương đương với ít nhất là 75% vốn điều lệ khi bán cổ phần lần đầu. Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là 10.274.670, chiếm 11,88% vốn điều lệ, trong đó lần lượt số cổ phần bán cho công chúng là 10.195.570; cán bộ công nhân viên của Công ty là 79.100. Ngày 4 tháng 1 năm 2011, Công ty đã nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Bộ Tài Chính cấp, theo đó, Công ty được chuyển đổi chính thức thành công ty cổ phần và có tên mới là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam..

Vốn Điều lệ

Tại thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty đạt 700 tỷ đồng Việt Nam theo các quyết định tăng vốn của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, cụ thể như sau:

| <u>Quyết định</u> | <u>Ngày</u> | <u>Số vốn điều lệ (VND)</u> |
|-------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Số 59/QĐ-HĐQT | Ngày 18 tháng 11 năm 1999 | 55.000.000.000 |
| Số 4094/QĐ-QLVG | Ngày 21 tháng 10 năm 2003 | 100.000.000.000 |
| Số 0676/QĐ-QLVG | Ngày 21 tháng 02 năm 2006 | 200.000.000.000 |
| Số 0526/QĐ-ĐT | Ngày 31 tháng 01 năm 2007 | 300.000.000.000 |
| Số 2929/QĐ-ĐT | Ngày 30 tháng 05 năm 2007 | 700.000.000.000 |

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|------------------------------------|
| Ông Đỗ Huy Hoài | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2007 |
| Bà Lưu Diễm Cẩm | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2006 |
| Bà Trần Thị Thu Thanh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2008 |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2007 |
| Ông Nguyễn Quốc Tín | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2009 |

BCTN 2010

Mạng lưới Hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại tầng 10, Tòa Tháp A Vincom, 191 phố Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty có Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng có đặt 2 phòng giao dịch tại số 35 phố Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và tại số 12 - 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 168 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần phù hợp với:

- ▶ các quy định về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007, Nghị định 146/2007/TT-CP hướng dẫn thực hiện một số vấn đề tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn kế toán khi chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ▶ chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT – BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

BCTN 2010

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Theo quy định tại Điều 21 Nghị định 109/2007/NĐ-CP, doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện việc lập báo cáo tài chính từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tại ngày 4 tháng 1 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2010, theo đó Công ty đã thực hiện việc lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán cuối cùng của Công ty với tư cách pháp nhân là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Kỳ tài chính đầu tiên của Công ty với tư cách là Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số liệu tài chính đầu kỳ là số liệu tài chính được quyết toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 và nhận bàn giao từ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Năm tài chính của Công ty trong các kỳ kế toán tiếp theo bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Thay đổi trong chính sách kế toán

Trong năm 2010, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- ▶ Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Do Thông tư 244/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh nêu trên.

2.5 Trình bày lại số đầu kỳ

Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số khoản mục trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo Nghị quyết số 548/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 06 năm 2010 và thông báo số 87/TB-TC1 ngày 25 tháng 03 năm 2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc duyệt quyết toán tăng chi phí lương bổ sung năm 2009 của Công ty. Theo đó số dư đầu kỳ của một số khoản mục trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được trình bày lại như sau:

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Trình bày lại số đầu kỳ (tiếp theo)

2.5.1 Ghi nhận tăng chi phí lương bổ sung năm 2009 theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, bao gồm hai cấu phần:

| <i>STT</i> | <i>Nội dung điều chỉnh</i> | <i>Số tiền VND</i> |
|------------|-----------------------------------|------------------------|
| 2.5.1.1 | Tăng chi phí hoạt động kinh doanh | 738.391.657 |
| 2.5.1.2 | Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp | 350.608.343 |
| | | 1.089.000.000 |

2.6 Các bút toán điều chỉnh liên quan đến quá trình cổ phần hóa

Theo hướng dẫn của Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007, Thông tư 146/2007/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ tài chính, cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty đã lập báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010 và thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010. Công ty thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản, theo đó Công ty đã thực hiện một số bút toán điều chỉnh để phản ánh kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các điều chỉnh cụ thể đã được thực hiện trên số liệu tài chính của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

| <i>Khoản mục</i> | <i>Ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu VND</i> |
|---|---|
| Giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty | (11.484.876.562) |
| Tăng giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty | 17.773.387.032 |
| Tăng giá trị tài sản cố định của Công ty | 2.760.332.645 |
| Tăng giá trị các khoản chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty | 917.164.924 |
| Tăng giá trị các khoản phải thu của Công ty | 289.592.720 |
| Giảm giá trị tài sản không cần dùng | (60.684.034) |
| Ghi nhận giá trị lợi thế thương mại của Công ty | 1.032.012.965 |
| Tổng ảnh hưởng (*) | 11.226.929.690 |

(*) Tổng ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh lại theo kết quả định giá được phản ánh vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại giá trị tài sản - trình bày tại Thuyết minh số 16.

BCTN 2010

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

| <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Mức trích dự phòng</u> |
|--|---------------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Trên ba (03) năm | 100% |

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các tài sản được đánh giá lại theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt, nguyên giá các tài sản cố định này được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại tại ngày 1 tháng 7 năm 2010 và sau đó tiếp tục được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

BCTN 2010

2.10 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|----------------------|-------|
| Máy móc thiết bị | 3 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 năm |
| Phần mềm kế toán | 3 năm |
| Tài sản cố định khác | 4 năm |

2.11 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng thuê.

2.12 Đầu tư vào chứng khoán

2.12.1 Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được ghi nhận theo giá gốc trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, ngoại trừ các chứng khoán được đánh giá lại theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt. Với các chứng khoán này, giá trị ghi sổ của chứng khoán được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại tại ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn đối với phần phát sinh dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán đối với phần phát sinh dồn tích kể từ ngày mua ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2010 đối với các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được phản ánh theo giá gốc.

2.12.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc ngoại trừ các chứng khoán được đánh giá lại theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt. Với các chứng khoán này, giá trị ghi sổ của chứng khoán được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại tại ngày 1 tháng 7 năm 2010.

BCTN 2010

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2010 đối với các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được phản ánh theo giá gốc.

2.13 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm tài sản trên các báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản hoặc chi phí chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng tài sản trên các báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu hoặc khoản phải trả chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

2.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định tại Thông tư 201/2009/TT – BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn từ 1 năm trở xuống được hạch toán vào quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục phải thu dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch giảm khi đánh giá lại các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, trong khi chênh lệch tăng khi đánh giá các khoản nợ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp việc

BCTN 2010

hạch toán này làm kết quả kinh doanh bị lỗ. Trong trường hợp này, khoản chênh lệch được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị cao hơn giữa giá trị phân bổ để kết quả kinh doanh không bị lỗ và giá trị chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm. Phần còn lại hạch toán trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

2.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng và trên cơ sở dồn tích (ngoại trừ lãi dồn tích phát sinh trước khi mua của chứng khoán thương mại - sẽ được ghi nhận giảm giá gốc của chứng khoán trên cơ sở thực thu).

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra. Đối với các cổ phiếu được đánh giá lại theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp đã được duyệt, giá vốn chứng khoán được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại tại ngày 1 tháng 7 năm 2010.

BCTN 2010

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và năm 2010 được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BCTN 2010

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.19 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và Điều 42 Bộ Luật Lao động là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, Công ty phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 và người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

BCTN 2010

2.20 Các quỹ

Theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, công ty chứng khoán phải sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ như sau:

| | <i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i> | <i>Mức trích lập tối đa</i> |
|-----------------------------------|--|-----------------------------|
| Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ Dự trữ bắt buộc | 5% | 10% vốn điều lệ |

2.21 Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình xác định lại giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản theo quy định tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 và Thông tư 146/2007/TT-BTC ngày 8 tháng 12 năm 2007. Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo quy định tại Thông tư 106/2007/TT-BTC hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các quy định kế toán hiện hành.

2.22 Thu chi về cổ phần hóa

Các khoản thu chi về cổ phần hóa được hạch toán theo quy định của Nghị định 109/2007/NĐ-CP, Thông tư 146/2007/TT-BTC và Thông tư 106/2008/TT-BTC, theo đó:

- Các khoản thu về cổ phần hóa bao gồm các khoản tiền thu từ phát hành thêm cổ phần cho cổ đông mới theo quy định tại khoản 1, mục VI, Thông tư 146/2007/TT-BTC và được ghi nhận như một khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa.
- Các khoản chi phí liên quan đến cổ phần hóa bao gồm các khoản chi theo quy định tại khoản 2.1, mục VI, Thông tư 146/2007/TT-BTC và được ghi nhận như một khoản phải thu từ cổ phần hóa.

Các khoản thu chi về cổ phần hóa này sau khi được quyết toán bởi cơ quan quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp và các cơ quan chức năng sẽ được chuyển trả về cho Ngân hàng mẹ là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2010</i> VND | <i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2009</i> VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 358.777.863 | 264.838.326 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 175.499.902.078 | 421.959.353.452 |
| <i>Trong đó :</i> | | |
| <i>Tiền gửi ngân hàng</i> | 44.787.807.362 | 9.754.212.668 |
| <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i> | 130.712.094.716 | 412.205.140.784 |
| Các khoản tương đương tiền | 32.000.000.000 | - |
| <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i> | 32.000.000.000 | - |
| <i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i> | - | - |
| | 207.858.679.941 | 422.224.191.778 |

4. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

| | <i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i> | <i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</i> VND |
|--|--|--|
| 1. Của Công ty chứng khoán | 27.420.470 | 1.120.324.063.060 |
| - <i>Cổ phiếu</i> | 23.690.830 | 805.148.855.000 |
| - <i>Trái phiếu</i> | 3.729.640 | 315.175.208.060 |
| - <i>Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)</i> | - | - |
| | | 19.110.929.527.30 |
| 2. Của người đầu tư | 672.411.370 | 0 |
| - <i>Cổ phiếu</i> | | 19.019.792.896.30 |
| | 671.528.620 | 0 |
| - <i>Trái phiếu</i> | 882.750 | 91.136.631.000 |
| - <i>Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)</i> | - | - |
| | 699.831.840 | 20.231.253.590.36 |
| | | 0 |

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
 BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tình hình đầu tư tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

| | Số lượng | Giá trị theo sổ sách kế | So với giá trị thị trường | | Tổng giá trị theo giá trị thị trường VND | Ghi chú |
|---|-------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|--|-----------------------|
| | | toán VND | Tăng VND | Giảm VND | | |
| I. Chứng khoán thương mại | 40.424.843 | 925.521.585.181 | 12.296.681.024 | (43.786.428.330) | | |
| - Có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường | 19.034.872 | 536.333.632.181 | 12.296.681.024 | (43.786.428.330) | 504.843.884.875 | Trích lập đủ dự phòng |
| - Không có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường | 21.389.971 | 389.187.953.000 | NA | NA | NA | |
| II. Chứng khoán đầu tư | 10.638.600 | 117.344.540.738 | | | | |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 10.638.600 | 117.344.540.738 | NA | NA | NA | |
| - Có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường | - | - | - | - | - | |
| - Không có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường | 10.638.600 | 117.344.540.738 | NA | NA | NA | |
| Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - | - | - | |
| III. Đầu tư dài hạn khác | - | - | - | - | - | |

- Các khoản đầu tư tài chính có thông tin đáng tin cậy về giá trị thị trường bao gồm các chứng khoán niêm yết được giao dịch trên thị trường và có giá tham chiếu tại các sàn giao dịch chứng khoán vào ngày lập báo cáo tài chính, các cổ phiếu chưa niêm yết có giá tham chiếu từ các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường.
- Các chứng khoán không có giá tham chiếu từ các nguồn trên được coi là không có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường.
- NA: không áp dụng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

6. PHẢI THU NGẮN HẠN

| | Số đầu kỳ | | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | | | Dự phòng đã trích lập VND |
|--|--------------------------|--------------------|----------------|--------------------------|---------------------------|------------------------|----------------|----------------|---------------------------|
| | Tổng số VND | Số quá hạn VND | Số khó đòi VND | Tăng VND | Giảm VND | Tổng số VND | Số quá hạn VND | Số khó đòi VND | |
| 1. Phải thu của khách hàng | 2.261.680 | - | - | 14.848.403.796 | 5.865.165.476 | 8.985.500.000 | - | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán | 191.098.000 | - | - | 2.355.017.870 | 2.195.425.130 | 350.690.740 | - | - | - |
| 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 51.453.249.729 | 430.189.600 | - | 7.773.101.921.661 | 7.662.620.165.556 | 161.935.005.834 | - | - | - |
| Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK | 13.407.608.000 | - | - | 2.887.286.528.500 | 2.859.185.381.500 | 41.508.755.000 | - | - | - |
| Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán (*) | 38.045.641.729 | 430.189.600 | - | 4.876.814.143.161 | 4.794.433.534.056 | 120.426.250.834 | - | - | - |
| Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán | - | - | - | 5.601.250.000 | 5.601.250.000 | - | - | - | - |
| Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán | - | - | - | 3.400.000.000 | 3.400.000.000 | - | - | - | - |
| 4. Các khoản phải thu khác | 2.396.920.815.786 | - | - | 1.119.126.836.827 | 3.461.968.725.840 | 54.078.926.773 | - | - | - |
| Phải thu từ các hợp đồng cam kết mua và bán lại chứng khoán (repo) | 2.255.740.528.000 | - | - | - | 2.255.740.528.000 | - | - | - | - |
| - với tổ chức kinh tế | 1.177.307.256.000 | - | - | - | 1.177.307.256.000 | - | - | - | - |
| - với cá nhân | 1.078.433.272.000 | - | - | - | 1.078.433.272.000 | - | - | - | - |
| Dự thu lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và ủy thác đầu tư | 95.460.530.153 | - | - | 369.369.978.485 | 457.594.389.290 | 7.236.119.348 | - | - | - |
| Dự thu lãi trái phiếu | 5.520.847.991 | - | - | 1.219.473.126 | 5.666.882.286 | 1.073.438.831 | - | - | - |
| Phải thu ủy thác đầu tư (**) | 39.181.819.375 | - | - | 222.797.146.688 | 216.978.966.063 | 45.000.000.000 | - | - | - |
| Phải thu về cổ phần hóa (***) | - | - | - | 727.319.440 | - | 727.319.440 | - | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.017.090.267 | - | - | 525.012.919.088 | 525.987.960.201 | 42.049.154 | - | - | - |
| | 2.448.567.425.195 | 430.189.600 | - | 8.909.432.180.154 | 11.132.649.482.002 | 225.350.123.347 | - | - | - |

(*): Bao gồm số tiền phải thu liên quan đến hoạt động bán quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng và tiền phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu giữa Công ty và khách hàng giao dịch chứng khoán, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 30 ngày, trong đó Công ty tài trợ 50% giá trị giao dịch mua chứng khoán của khách hàng và hưởng phí tài trợ theo tỷ lệ cố định

(**): Bao gồm hai hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền lần lượt là 40.000.000.000 đồng và 5.000.000.000 đồng

(***): Khoản phải thu về cổ phần hóa thể hiện các chi phí phát sinh trong quá trình cổ phần hóa. Tại thời điểm lập báo cáo này, quá trình cổ phần hóa chưa hoàn tất và theo đó các khoản chi phí này chưa được quyết toán bởi các cơ quan chức năng

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

7. HÀNG TỒN KHO

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|-----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 405.553.000 | 74.961.000 |
| Công cụ, dụng cụ | 18.109.545 | - |
| | 423.662.545 | 74.961.000 |

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|---------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Tạm ứng | 1.814.292.000 | 225.694.399 |
| Cầm cố ký cược, ký quỹ | 167.575.000 | 15.010.000.000 |
| Tài sản ngắn hạn khác (*) | 41.240.770.389 | - |
| | 43.222.637.389 | 15.235.694.399 |

(*): Đây là giá trị danh mục đầu tư của Công ty được ủy thác tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV (BFI). Trong năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng số 01/HĐT-2010/BFI-BSC hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

9.1 Tài sản cố định hữu hình

| | <i>Máy móc thiết bị VND</i> | <i>Phương tiện vận tải VND</i> | <i>TSCĐ khác VND</i> | <i>Tổng cộng VND</i> |
|---|-------------------------------------|--|--------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 14.045.379.465 | 1.703.224.628 | 339.462.415 | 16.088.066.508 |
| Tăng trong năm | 3.412.205.088 | 365.790.910 | - | 3.777.995.998 |
| <i>Mua trong năm</i> | 3.412.205.088 | - | - | 3.412.205.088 |
| <i>Tăng theo kết quả định giá</i> | - | 365.790.910 | - | 365.790.910 |
| Giảm trong năm | 2.905.003.352 | 191.671.456 | 271.402.181 | 3.368.076.989 |
| <i>Bán thanh lý</i> | 1.994.723.216 | 105.075.603 | 111.650.000 | 2.211.448.819 |
| <i>Xóa sổ tài sản theo kết quả định giá</i> | 910.280.136 | 86.595.853 | 159.752.181 | 1.156.628.170 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 14.552.581.201 | 1.877.344.082 | 68.060.234 | 16.497.985.517 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 10.260.735.391 | 1.615.454.496 | 301.129.982 | 12.177.319.869 |
| Tăng trong năm | 3.425.293.059 | 202.033.011 | 15.151.664 | 3.642.477.734 |
| <i>Khấu hao</i> | 3.425.293.059 | 202.033.011 | 15.151.664 | 3.642.477.734 |
| Giảm trong năm | 4.912.233.646 | 506.260.482 | 283.440.562 | 5.701.934.690 |
| <i>Bán thanh lý</i> | 1.994.723.216 | 105.075.603 | 111.650.000 | 2.211.448.819 |
| <i>Tăng theo kết quả định giá</i> | 2.067.914.328 | 314.589.026 | 12.038.381 | 2.394.541.735 |
| <i>Xóa sổ tài sản theo kết quả định giá</i> | 849.596.102 | 86.595.853 | 159.752.181 | 1.095.944.136 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 8.773.794.804 | 1.311.227.025 | 32.841.084 | 10.117.862.913 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 3.784.644.074 | 87.770.132 | 38.332.433 | 3.910.746.639 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 5.778.786.397 | 566.117.057 | 35.219.150 | 6.380.122.604 |

9.2 Tài sản cố định vô hình

| | <i>Phần mềm vi tính VND</i> | <i>Quyền sử dụng đất VND</i> | <i>Tài sản vô hình khác VND</i> | <i>Tổng cộng VND</i> |
|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2009 | - | - | 945.680.998 | 945.680.998 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | - | - | 945.680.998 | 945.680.998 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2009 | - | - | 238.408.127 | 238.408.127 |
| Tăng trong năm | - | - | 184.280.002 | 184.280.002 |
| <i>Khấu hao</i> | - | - | 184.280.002 | 184.280.002 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | - | - | 422.688.129 | 422.688.129 |
| Giá trị còn lại: | | | | |

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
 BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

| | | | | |
|---------------------------|---|---|-------------|-------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2009 | - | - | 707.272.871 | 707.272.871 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | - | - | 522.992.869 | 522.992.869 |

10. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|---------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung hàng năm | 6.341.821.425 | 4.952.520.392 |
| Tiền lãi phân bổ hàng năm | 880.261.559 | 848.038.109 |
| | 7.342.082.984 | 5.920.558.501 |

11. VAY NGẮN HẠN

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|--------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Vay ngắn hạn | - | 115.000.000.00 |
| | - | 115.000.000.00 |
| | - | 0 |

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|----------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.058.845.698 | 36.346.941 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 30.079.044 | 4.866.666 |
| Thuế khác | 1.363.211.114 | 37.714.924 |
| | 2.452.135.856 | 78.928.531 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|--|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| 1. Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế TNDN | 11.430.993.909 | 435.647.385.710 |
| Các khoản mục điều chỉnh: | | |
| <i>Trừ:</i> Thu nhập được miễn thuế TNDN: | | (27.663.986.195) |
| Thu nhập từ cổ tức | (19.356.939.456) | 195 |
| Chuyển lỗ của những năm trước (*) | - | (407.983.399.515) |
| <i>Cộng:</i> Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế | - | - |
| 2. Thu nhập chịu thuế | - | - |
| 3. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành | - | - |
| 4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| - Thuế TNDN phải nộp kỳ trước | (5.280.764.615) | (5.280.764.615) |
| - Thuế TNDN đã nộp trong kỳ | - | - |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối kỳ | (5.280.764.615) | (5.280.764.615) |

(*) Chuyển lỗ của những năm trước:

Kể từ năm 2008, Công ty phát sinh lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định hiện hành Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Công ty không thực hiện tính và hạch toán thuế hoãn lại trên số lỗ còn lại chưa chuyển do không chắc chắn về khả năng tạo được lợi nhuận trong các năm tiếp theo để có thể cân trừ khoản lỗ này.

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
 BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí vốn cho các khoản đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ (*) | 269.444.444 | 151.905.761.111 |
| Chi phí lãi dự trả cho các hợp đồng vay | - | 1 |
| Chi phí lãi dự trả cho tiền gửi của các nhà đầu tư | 118.090.520 | 673.083.883 |
| Chi phí phải trả khác | 93.331.800 | 247.952.133 |
| | 480.866.764 | 153.518.832.878 |

(*): Đây là khoản lãi Công ty dự trả cho các khoản đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ trong trường hợp không mua được trái phiếu theo các điều kiện quy định trong hợp đồng môi giới chứng khoán (xem Thuyết minh số 15).

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|---|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | VND | VND |
| Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với TTGDCK | 69.134.706.000 | 272.074.032.000 |
| Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán | 61.577.388.716 | 137.292.850.670 |
| <i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính</i> | 23.273.966.295 | 61.432.315.449 |
| <i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hồ Chí Minh</i> | 38.303.422.421 | 75.860.535.227 |
| <i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác</i> | - | - |
| Phải trả khác về hoạt động giao dịch chứng khoán | 26.486.077.151 | 7.671.507.839 |
| | 157.198.171.867 | 417.038.390.515 |

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
 BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

BCTN 2010

15. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Số trình bày lại VND</i> | <i>Số trình bày lại VND</i> |
| Bảo hiểm xã hội | - | 886.600 |
| Bảo hiểm y tế | - | 132.990 |
| Phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư | 6.840.000.000 | - |
| Phải trả từ hợp đồng cầm cố mua lại chứng khoán | - | 60.537.400.000 |
| | | 2.305.000.000.00 |
| Đặt cọc mua trái phiếu chính phủ (*) | 450.000.000.000 | 0 |
| Phải trả phải nộp khác | 7.711.744.595 | 2.077.081.812 |
| Phải trả về cổ phần hóa (**) | 105.697.995.820 | - |
| | | 2.367.615.501.40 |
| | 570.249.740.415 | 2 |

(*): Trong năm 2010, Công ty đã ký kết các hợp đồng môi giới chứng khoán, trong đó, Công ty cam kết sẽ mua Trái phiếu Chính phủ cho khách hàng. Theo các hợp đồng này, trong thời gian kể từ khi nhận được tiền đặt cọc mua trái phiếu đến khi mua được trái phiếu, Công ty phải trả cho khách hàng một khoản chi phí vốn với lãi suất thỏa thuận.

(**): Số tiền thu được khi thực hiện chào bán lần đầu ra công chúng, tương ứng với số cổ phần phát hành thêm là 10.274.670. Tại thời điểm lập báo cáo này, quá trình cổ phần hóa chưa hoàn tất và theo đó khoản phải trả này chưa được quyết toán bởi các cơ quan chức năng.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> VND | <i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i> VND | <i>Quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái</i> VND | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> VND | <i>Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính</i> VND | <i>Lợi nhuận chưa phân phối</i> VND | <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> VND | <i>Tổng cộng</i> VND |
|--|---|---|--|-------------------------------------|--|--|---|-------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 700.000.000.000 | - | 104.397.901 | 92.009.778.586 | 32.509.049.335 | (80.716.094.098) | 2.163.275.646 | 746.070.407.370 |
| Lợi nhuận thuần năm 2010 | - | - | - | - | - | 11.430.993.909 | - | 11.430.993.909 |
| Đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ | - | - | 208.262.457 | - | - | - | - | 208.262.457 |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) | - | 11.226.929.690 | - | - | - | - | - | 11.226.929.690 |
| Hoàn lại số dư đánh giá ngoại tệ tồn quỹ cuối kỳ trước | - | - | (104.397.901) | - | - | - | - | (104.397.901) |
| Trình bày lại quỹ khen thưởng phúc lợi theo thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 | - | - | - | - | - | - | (2.163.275.646) | (2.163.275.646) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 700.000.000.000 | 11.226.929.690 | 208.262.457 | 92.009.778.586 | 32.509.049.335 | (69.285.100.189) | - | 766.668.919.879 |

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản bao gồm khoản phát sinh từ việc định giá lại giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa được trình bày tại Thuyết minh số 2.6. Khoản tiền này sẽ được kết chuyển sang phần vốn góp của nhà nước tại công ty cổ phần vào cuối ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Thông tư 146/2007/TT-BTC.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

17. DOANH THU

| | <i>Năm nay</i> VND | <i>Năm trước</i> VND |
|---|------------------------|-------------------------|
| 1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán | | |
| Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư | 42.866.032.893 | 61.325.581.428 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 124.469.527.724 | 233.398.489.860 |
| - <i>Chênh lệch giá bán cổ phiếu, trái phiếu</i> | 99.512.519.586 | 182.695.203.019 |
| - <i>Cổ tức</i> | 19.356.939.456 | 27.863.986.195 |
| - <i>Trái tức</i> | 1.240.878.708 | 22.839.300.646 |
| - <i>Thu lãi góp vốn tài trợ nhà đầu tư mua chứng khoán</i> | 4.359.189.974 | - |
| Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | 3.014.403.600 | 450.000.000 |
| Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | 257.730.351 | 1.000.000 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 19.201.763.037 | 8.688.152.010 |
| Doanh thu lưu ký CK cho người đầu tư | 2.443.369.442 | 3.817.784.603 |
| Doanh thu về vốn kinh doanh | 231.139.280.303 | 311.891.327.428 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 3. Doanh thu thuần | 423.392.107.350 | 619.572.335.329 |

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

| | <i>Năm nay</i> VND | <i>Năm trước</i> <i>Số trình bày lại</i> VND |
|---|------------------------|--|
| Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư | 21.904.737.507 | 27.315.339.698 |
| Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư | 1.850.380.768 | 900.776.536 |
| Chi phí tự doanh chứng khoán | 33.859.544.976 | 144.654.377.932 |
| Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 640.437.500 | - |
| Chi phí tư vấn cho người đầu tư | 3.784.332.620 | 492.290.547 |
| Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán | 63.173.749.076 | (445.291.700.023) |
| Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán | 235.726.469.235 | 403.915.247.806 |
| Chi phí trực tiếp chung về hoạt động kinh doanh | 18.028.205.643 | 17.660.119.533 |
| | 378.967.857.325 | 149.646.452.029 |

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|---|-----------------------|-------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>Số trình bày lại</i> |
| | | <i>VND</i> |
| Chi phí nhân viên | 5.809.568.113 | 6.804.696.008 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 724.841.147 | 816.042.357 |
| Chi công cụ, đồ dùng văn phòng | 153.229.237 | 344.751.281 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.053.185.462 | 3.223.096.867 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.189.823.478 | 14.844.989.223 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.413.873.681 | 1.034.341.880 |
| Chi dự phòng các khoản phải thu khó đòi | - | 289.592.720 |
| Chi phí khác bằng tiền | 7.566.029.745 | 4.625.067.127 |
| | 32.910.550.863 | 31.982.577.463 |

20. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

20.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | <i>Ngày 31 tháng 12</i> | <i>Ngày 31 tháng 12</i> |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
| | <i>năm 2010</i> | <i>năm 2009</i> |
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Đến 1 năm | - | 8.101.142.002 |
| Trên 1 – 5 năm | 2.655.213.000 | - |
| Trên 5 năm | 28.573.476.922 | - |

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18.932 VND/USD.

21. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngày 4 tháng 1 năm 2011, Công ty đã nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Bộ Tài Chính cấp, theo đó, Công ty được chuyển đổi chính thức thành công ty cổ phần với tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và vốn điều lệ là 865 tỷ đồng.

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, Công ty sẽ thực hiện quyết toán chi phí cổ phần hóa, thu từ cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và tại ngày lập các báo cáo này, các thủ tục quyết toán này chưa được hoàn tất với các cơ quan chức năng.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2010

Lê Phương Thủy
Kế toán

Lê Hồng Nhung
Phụ trách P. Tài chính Kế toán

Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 1 năm 2011